

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 01/8/2025;

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Lê .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Nguyễn Hữu Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1425/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị H; sinh năm 1984; Số CCCD: 038184001325 do Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 29/9/2022; Hộ khẩu thường trú: thôn K, xã H, (xã H, huyện H cũ), tỉnh Thanh Hóa (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Nguyễn Tấn Minh T; sinh năm 1990; Số CCCD: 079090028235 do Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 29/11/2021; Hộ khẩu thường trú: 61B ấp E, xã X, (xã X, huyện H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tấn Minh T sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 148 quyền 01/2014, do Ủy ban nhân dân phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2014. Khi kết hôn gia đình hai bên không có ai ngăn cản, cấm đoán cũng như cưỡng ép kết hôn, việc kết hôn của bà và ông T là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống cảm thấy không được hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến không có tiếng nói chung, làm cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm. Kể từ năm 2019 bà H và con trai chuyển về quê Thanh Hóa sống từ đó đến nay. Nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tấn Minh T.

Về con chung: Bà H và ông T có một con chung tên là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 19/11/2015. Sau khi ly hôn bà H trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Nguyễn Tấn M Trung cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Bà H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tòa án đã triệu tập bà ông Nguyễn Tấn Minh T nhưng ông T không đến Tòa trong quá trình Phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và Hòa giải, Phiên tòa vào lúc 09 giờ ngày 03/7/2025. Tuy nhiên, đến ngày 01/8/2025 trước khi mở phiên tòa ông T có lên Tòa án và viết bản tự khai, theo nội dung ông trình bày ông và bà H sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 148 quyền 01/2014, do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2014, giữa ông và bà H quá trình chung sống không hạnh phúc. Do đó, ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H

Về con chung: Ông T và bà H có một con chung tên là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 19/11/2015. Sau khi ly hôn ông đồng ý để bà H trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Ông T và bà H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Do bận công việc nên ông có đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật

tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Đây là vụ kiện ly hôn. Do bị đơn đang cư ngụ tại xã X, (xã X, huyện H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Tòa án đã thông báo triệu tập ông T đến Tòa để tham gia phiên tòa xét xử bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng Phiên tòa vào lúc 09 giờ ngày 03/7/2025 ông vắng mặt không lý do, Tại phiên tòa hôm nay ông T có đơn xin vắng mặt và tại bản tự khai ông đồng ý với yêu cầu của bà H, ông khẳng định giữa ông và bà H có mâu thuẫn từ năm 2019. Từ đó có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn bà H là có cơ sở, nên chấp nhận.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại địa chỉ cư trú của bị đơn. Phiên tòa hôm nay bị đơn có đơn và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tấn Minh T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 148 quyền 01/2014, do Ủy ban nhân dân phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2014. Như vậy, theo quy định tại Điều 5, Điều 8 và Điều 9, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì quan hệ hôn nhân và gia đình của bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tấn Minh T có giá trị pháp lý.

[3.2] Nay bà Lê Thị H yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Tấn Minh T do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Tại bản tự khai ngày 01/8/2025 ông T khẳng định giữa ông và bà H có mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2019 không thể hàn gắn, nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H. Từ đó có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn vợ

chồng giữa bà H và ông T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở, nên chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Ông T và bà H có một con chung tên là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 19/11/2015. Bà H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và ông T không cấp dưỡng nuôi con chung, Tại bản tự khai ngày 01/8/2025 ông T đồng ý để bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 06/01/2025 trẻ Nguyễn Minh H1 trình bày “Nếu bố mẹ cháu phải ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ là Lê Thị H, mẹ yêu thương cháu nhiều hơn, chăm sóc cho cháu tốt hơn”. Do đó yêu cầu nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ Nguyễn Minh H1 của bà H là có cơ sở để chấp nhận.

[3.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng do bà Lê Thị H phải nộp, được căn trù vào biên lai thu số 0047114 ngày 21/10/2024, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 91, 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn: Bà Lê Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Tấn Minh T.

- Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 19/11/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Lê Thị H không có yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông Nguyễn Tấn Minh T cho đến khi bà Lê Thị H có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tấn Minh T phải thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Giấy chứng nhận kết hôn số 148 quyền 01/2014, do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2014 cho bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tấn Minh T1 còn giá trị pháp lý.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng do bà Lê Thị H phải nộp, được căn trừ vào biên lai thu số 0047114 ngày 21/10/2024, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh ;
- VKSND Khu vực 8;
- UBND phường Bình Trưng Tây,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Lê